

Cà Mau, ngày 19 tháng 5 năm 2026

BẢNG CÔNG BỐ
THÔNG TIN NỘI KIỂM CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÀNH PHẨM
THÁNG 5/ 2026

1. Khu vực các phường, tỉnh Cà Mau

- Tổng số mẫu thử nghiệm (hóa lý và vi sinh): **31** mẫu/ tháng, trong đó:
 - + Số mẫu đầu mạng (nguồn): 21 mẫu;
 - + Số mẫu mạng phân phối: 10 mẫu (06 mẫu giữa mạng phân phối, 04 mẫu cuối mạng phân phối).
- Tổng số chỉ tiêu thử nghiệm: 08 chỉ tiêu nhóm A theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Cà Mau (QCĐP 01:2022/CM).
- Tổng số chỉ tiêu chưa đạt: 00 chỉ tiêu.

2. Khu vực các xã, tỉnh Cà Mau

- Tổng số mẫu thử nghiệm (hóa lý và vi sinh): **64** mẫu/ tháng, trong đó:
 - + Số mẫu đầu mạng (nguồn): 26 mẫu;
 - + Số mẫu mạng phân phối: 38 mẫu (19 mẫu giữa mạng phân phối, 19 mẫu cuối mạng phân phối).
- Tổng số chỉ tiêu thử nghiệm: 08 chỉ tiêu nhóm A theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Cà Mau (QCĐP 01:2022/CM).
- Tổng số chỉ tiêu chưa đạt: 00 chỉ tiêu.



STT	Đơn vị quản lý trực tiếp	Khu vực lấy mẫu thử nghiệm	Số mẫu/ tháng		Kết quả hóa lý		Kết quả vi sinh		Ghi chú
			Hóa lý	Vi sinh	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
1	XNCN CM 1	Các trạm lẻ, nhà máy	15	15	15	0	15	0	
2	XNCN CM 2	Các trạm lẻ, nhà máy	16	16	16	0	16	0	
3	CNCN Cái Nước	Trạm bơm số 1 Trạm bơm số 2	4	4	4	0	4	0	
4	CNCN Cái Đôi Vàm	Trạm bờ Nam Trạm bờ Bắc	6	6	6	0	6	0	
		<i>Trạm Việt Thắng</i>	3	3	3	0	3	0	
5	XNCN & MT Năm Căn	Trạm Năm Căn Trạm Hàng Vịnh	6	6	6	0	6	0	
6	CNCN Trần Văn Thời	Trạm bơm số 2 Trạm bơm số 3	4	4	4	0	4	0	
7	CNCN Sông Đốc	Trạm bờ Bắc Trạm bơm số 1	4	4	4	0	4	0	
		Trạm bờ Nam	3	3	3	0	3	0	
8	CNCN Phan Ngọc Hiền	Trạm bơm số 2 Trạm bơm số 3	4	4	4	0	4	0	
		Trạm Tân Ân	3	3	3	0	3	0	
9	CNCN Thới Bình	Trạm bơm số 1 Trạm bơm số 2	4	4	4	0	4	0	
		Trạm Trí Phải	3	3	3	0	3	0	
		<i>Trạm Khóm 4</i>	3	3	3	0	3	0	
10	CNCN Khánh An	Trạm Khánh An	3	3	3	0	3	0	
		Trạm U Minh	3	3	3	0	3	0	

2000101
CỘNG
HÒA
CỐ PH
CẤP N
CÀ M
V THÀNH

STT	Đơn vị quản lý trực tiếp	Khu vực lấy mẫu thử nghiệm	Số mẫu/ tháng		Kết quả hóa lý		Kết quả vi sinh		Ghi chú
			Hóa lý	Vi sinh	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
		<i>Trạm Khánh Hội</i>	3	3	3	0	3	0	
11	CNCN Đầm Dơi	Trạm bơm số 1	5	5	5	0	5	0	
		Trạm bơm số 2							
		Trạm bơm số 3							
		Trạm Quách Phẩm	3	3	3	0	3	0	
Tổng Cộng			95	95	95	0	95	0	
Tỉ lệ (%)					100	0	100	0	

Kết luận:

Chất lượng nước tại khu vực các phường, xã của tỉnh Cà Mau thuộc hệ thống cấp nước do Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau đang quản lý được kiểm soát, giám sát chặt chẽ theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Cà Mau (QCĐP 01:2022/CM)./.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Phước Tài





CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM
THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN



Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau
Điện thoại: 02903 836 360 - 02903 836 723 - Fax: 0290 383 6723 - Email: ctycapnuoccamau@yahoo.com
Website: <https://ctncamau.com.vn/>

DANH SÁCH MẪU NƯỚC THÀNH PHẨM
THÁNG 5 NĂM 2026

STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
1	CM1/05.2026	1	Đầu mạng Trạm 1	26.ĐK.0381	4/5	Tủ mát
2		2	Đầu mạng Trạm 2	26.ĐK.0382	4/5	Tủ mát
3		3	Đầu mạng Trạm 20	26.ĐK.0383	4/5	Tủ mát
4		4	Đầu mạng Trạm 23	26.ĐK.0384	4/5	Tủ mát
5		5	Đầu mạng Trạm 24	26.ĐK.0385	4/5	Tủ mát
6		6	Đầu mạng Trạm 27	26.ĐK.0386	4/5	Tủ mát
7		7	Đầu mạng Trạm 30	26.ĐK.0387	4/5	Tủ mát
8		8	Đầu mạng Nhà máy số 1	26.ĐK.0388	4/5	Tủ mát
9		9	Đầu mạng Trạm 18	26.ĐK.0389	4/5	Tủ mát
10		10	Đầu mạng Trạm Tắc Vân	26.ĐK.0390	4/5	Tủ mát
11		11	101 đường Bùi Thị Trường, P. Tân Thành (giữa mạng)	26.ĐK.0391	4/5	Tủ mát
12		12	18 đường Âu Cơ, P. Tân Thành (giữa mạng)	26.ĐK.0392	4/5	Tủ mát
13		13	435 đường Lê Khắc Sương, P. Tân Thành (giữa mạng)	26.ĐK.0393	4/5	Tủ mát
14		14	33 đường Huỳnh Thúc Kháng, P. Hòa Thành (cuối mạng)	26.ĐK.0394	4/5	Tủ mát
15		15	16 QL1A, khóm 11, P. Tân Thành (cuối mạng)	26.ĐK.0395	4/5	Tủ mát

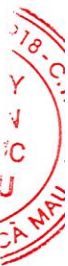
STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
16	CM2/05.2026	1	Đầu mạng Trạm 15	26.ĐK.0396	4/5	Tủ mát
17		2	Đầu mạng Trạm 21	26.ĐK.0397	4/5	Tủ mát
18		3	Đầu mạng Trạm 26	26.ĐK.0398	4/5	Tủ mát
19		4	Đầu mạng Trạm 29	26.ĐK.0399	4/5	Tủ mát
20		5	Đầu mạng Trạm 4	26.ĐK.0400	4/5	Tủ mát
21		6	Đầu mạng Trạm 12	26.ĐK.0401	4/5	Tủ mát
22		7	Đầu mạng Nhà Máy số 2	26.ĐK.0402	4/5	Tủ mát
23		8	Đầu mạng Trạm 16	26.ĐK.0403	4/5	Tủ mát
24		9	Đầu mạng Trạm 25	26.ĐK.0404	4/5	Tủ mát
25		10	Đầu mạng Trạm 22	26.ĐK.0405	4/5	Tủ mát
26		11	Đầu mạng Trạm 31	26.ĐK.0406	4/5	Tủ mát
27		12	349 đường Lê Hồng Phong, khóm 7, P. LVL (giữa mạng)	26.ĐK.0407	4/5	Tủ mát
28		13	38 đường N13, Khu DT Bạch Đằng, P. LVL (cuối mạng)	26.ĐK.0408	4/5	Tủ mát
29		14	72/8 đường Lâm Thành Mậu, P. An Xuyên (giữa mạng)	26.ĐK.0409	4/5	Tủ mát
30		15	201 đường Ngô Quyền - Khu Minh Thắng, P. An Xuyên (giữa mạng)	26.ĐK.0410	4/5	Tủ mát
31		16	Thửa 334 đường Lê Đức Thọ, khóm 23, P. An Xuyên (cuối mạng)	26.ĐK.0411	4/5	Tủ mát
32	NC/05.2026	1	Đầu mạng Trạm Năm Căn	26.ĐK.0412	5/5	Tủ mát
33		2	Đầu mạng Trạm Hàng Vịnh	26.ĐK.0413	5/5	Tủ mát
34		3	Phạm Văn Tấn, đường Âu Cơ, xã Năm Căn (giữa mạng)	26.ĐK.0414	5/5	Tủ mát
35		4	Phan Minh Hải, đường Châu Văn Đặng, xã Năm Căn (cuối mạng)	26.ĐK.0415	5/5	Tủ mát
36		5	Nguyễn Văn Khuôn, ấp Xóm Lớn, khóm Hàng Vịnh, xã Năm Căn (giữa mạng)	26.ĐK.0416	5/5	Tủ mát
37		6	Trần Đình Nhu, ấp Cái Nảy, khóm Hàng Vịnh, xã Năm Căn (cuối mạng)	26.ĐK.0417	5/5	Tủ mát

N. 20
 C
 C
 C
 C
 TÂN TH

STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
38	CĐV/05.2026	1	Đầu mạng Trạm Bờ Bắc Cái Đôi Vàm	26.ĐK.0418	5/5	Tủ mát
39		2	Đầu mạng Trạm Bờ Nam Cái Đôi Vàm	26.ĐK.0419	5/5	Tủ mát
40		3	Trương Văn Thơ, đường Trần Văn Thời, ấp 7, xã Cái Đôi Vàm (giữa mạng)	26.ĐK.0420	5/5	Tủ mát
41		4	Nguyễn Vũ Quốc Hiệp, đường Trần Văn Thời, ấp 6, xã Cái Đôi Vàm (cuối mạng)	26.ĐK.0421	5/5	Tủ mát
42		5	Hồ Văn Nghị, đường Cách Mạng Tháng 8, ấp 1, xã Cái Đôi Vàm (giữa mạng)	26.ĐK.0422	5/5	Tủ mát
43		6	Nguyễn Ngọc Diệu, đường Lý Văn Lâm, ấp 1, xã Cái Đôi Vàm (cuối mạng)	26.ĐK.0423	5/5	Tủ mát
44	SĐ/05.2026	1	Đầu mạng Trạm 1 - Sông Đốc	26.ĐK.0424	11/5	Tủ mát
45		2	Đầu mạng Trạm Bờ Bắc Sông Đốc	26.ĐK.0425	11/5	Tủ mát
46		3	Đầu mạng Trạm Bờ Nam Sông Đốc	26.ĐK.0426	11/5	Tủ mát
47		4	Trương Diễm Chi, ấp 11, xã Sông Đốc (giữa mạng bờ bắc)	26.ĐK.0427	11/5	Tủ mát
48		5	Nguyễn Công Khanh, ấp 12, xã Sông Đốc (cuối mạng bờ bắc)	26.ĐK.0428	11/5	Tủ mát
49		6	Trần Bích Thủy, ấp 1, xã Sông Đốc (giữa mạng bờ nam)	26.ĐK.0429	11/5	Tủ mát
50		7	Nguyễn Thị Thiết, khóm 5, xã Sông Đốc (cuối mạng bờ nam)	26.ĐK.0430	11/5	Tủ mát
51	TVT/05.2026	1	Đầu mạng Trạm 2 - Trần Văn Thời	26.ĐK.0431	11/5	Tủ mát
52		2	Đầu mạng Trạm 3 - Trần Văn Thời	26.ĐK.0432	11/5	Tủ mát
53		3	Bùi Quang Minh, đường Dương Văn Thà, xã Trần Văn Thời (giữa mạng)	26.ĐK.0433	11/5	Tủ mát
54		4	Lê Ngọc Thắm, đường 19/5, xã Trần Văn Thời (cuối mạng)	26.ĐK.0434	11/5	Tủ mát
55	CN/05.2026	1	Đầu mạng Trạm 1- Cái Nước	26.ĐK.0435	11/5	Tủ mát
56		2	Đầu mạng Trạm 2 - Cái Nước	26.ĐK.0436	11/5	Tủ mát
57		3	Đinh Khải Dân, đường Cách Mạng Tháng 8, ấp 1, xã Cái Nước (giữa mạng)	26.ĐK.0437	11/5	Tủ mát
58		4	Lê Đức Nga, đường Nguyễn Khuyến, xã Cái Nước (cuối mạng)	26.ĐK.0438	11/5	Tủ mát

0107
ÔNG
PH
P N
A MA
INH-T

STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
59	ĐD/05.2026	1	Đầu mạng Trạm 1- Đầm Dơi	26.ĐK.0439	12/5	Tủ mát
60		2	Đầu mạng Trạm 2 - Đầm Dơi	26.ĐK.0440	12/5	Tủ mát
61		3	Đầu mạng Trạm 3 - Đầm Dơi	26.ĐK.0441	12/5	Tủ mát
62		4	Phan Diệu Mi, đường Dương Thị Cẩm Vân, xã Đầm Dơi (giữa mạng)	26.ĐK.0442	12/5	Tủ mát
63		5	Nguyễn Phương Đông, đường Lưu Tấn Thành, xã Đầm Dơi (cuối mạng)	26.ĐK.0443	12/5	Tủ mát
64		6	Đầu mạng Trạm Quách Phẩm - Đầm Dơi	26.ĐK.0444	12/5	Tủ mát
65		7	Nguyễn Trịnh Dô, ấp Xóm Dừa, xã Quách Phẩm (giữa mạng)	26.ĐK.0445	12/5	Tủ mát
66		8	Đào Mỹ Tho, ấp Xóm Dừa, xã Quách Phẩm (cuối mạng)	26.ĐK.0446	12/5	Tủ mát
67	UM/05.2026	1	Đầu mạng Trạm U Minh	26.ĐK.0447	12/5	Tủ mát
68		2	Đầu mạng Trạm Khánh An	26.ĐK.0448	12/5	Tủ mát
69		3	Đầu mạng Trạm Khánh Hội	26.ĐK.0449	12/5	Tủ mát
70		4	Nguyễn Hoàng Dư, số 27, đường số 1, ấp 1, khu TĐC, xã Khánh An (giữa mạng)	26.ĐK.0450	12/5	Tủ mát
71		5	Dương Văn Điện, T23, ấp 15, khu TĐC, xã Khánh An (cuối mạng)	26.ĐK.0451	12/5	Tủ mát
72		6	Nguyễn Văn Thắng, ấp 1, xã Nguyễn Phích (giữa mạng)	26.ĐK.0452	12/5	Tủ mát
73		7	Trịnh Hùng Dũng, ấp 2, xã Nguyễn Phích (cuối mạng)	26.ĐK.0453	12/5	Tủ mát
74		8	Trần Châu My, ấp 3, xã Khánh Lâm (giữa mạng)	26.ĐK.0454	12/5	Tủ mát
75	PNH/05.2026	9	Điệp Kiều Loan, ấp 3, xã Khánh Lâm (cuối mạng)	26.ĐK.0455	12/5	Tủ mát
76		1	Đầu mạng Trạm 2 - Phan Ngọc Hiển	26.ĐK.0456	13/5	Tủ mát
77		2	Đầu mạng Trạm 3 - Phan Ngọc Hiển	26.ĐK.0457	13/5	Tủ mát
78		3	Đầu mạng Trạm 4 - Phan Ngọc Hiển	26.ĐK.0458	13/5	Tủ mát
79		4	Lê Văn Lơ, ấp 1, xã Phan Ngọc Hiển (giữa mạng)	26.ĐK.0459	13/5	Tủ mát
80		5	Nguyễn Thành Nguyên, ấp 1, xã Phan Ngọc Hiển (cuối mạng)	26.ĐK.0460	13/5	Tủ mát
81		6	Ngô Minh Toại, đường 13/12, ấp 3, xã Phan Ngọc Hiển (giữa mạng)	26.ĐK.0461	13/5	Tủ mát
82		7	Nguyễn Hoài Phương, ấp 8, xã Phan Ngọc Hiển (cuối mạng)	26.ĐK.0462	13/5	Tủ mát



STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
83	TB/05.2026	1	Đầu mạng Trạm 1 - Thới Bình	26.ĐK.0463	13/5	Tủ mát
84		2	Đầu mạng Trạm 2 - Thới Bình	26.ĐK.0464	13/5	Tủ mát
85		3	Đầu mạng Trạm Trí Phải	26.ĐK.0465	13/5	Tủ mát
86		4	Nguyễn Hữu Thành, đường Lê Duẩn, ấp 1, xã Thới Bình (giữa mạng)	26.ĐK.0466	13/5	Tủ mát
87		5	Nguyễn Hùng Cường, đường 30/4, xã Thới Bình (cuối mạng)	26.ĐK.0467	13/5	Tủ mát
88		6	Trần Thị Hồng Cẩm, ấp 1, xã Trí Phải (giữa mạng)	26.ĐK.0468	13/5	Tủ mát
89		7	Trần Văn Nhân, ấp 1, xã Trí Phải (cuối mạng)	26.ĐK.0469	13/5	Tủ mát
90	TB.K4/05.2026	1	Đầu mạng Trạm khóm 4 - Thới Bình	26.ĐK.0470	13/5	Tủ mát
91		2	Trịnh Quốc Việt, khóm 4, xã Thới Bình (giữa mạng)	26.ĐK.0471	13/5	Tủ mát
92		3	Nguyễn Hoàng Tạo, khóm 4, xã Thới Bình (cuối mạng)	26.ĐK.0472	13/5	Tủ mát
93	CĐV.VT/05.2026	1	Đầu mạng Trạm Việt Thắng - xã Nguyễn Việt Khái	26.ĐK.0473	13/5	Tủ mát
94		2	Nguyễn Văn Đet, ấp Hiệp Thành, xã Nguyễn Việt Khái (giữa mạng)	26.ĐK.0474	13/5	Tủ mát
95		3	Hà Văn Thiệp, ấp Hiệp Thành, xã Nguyễn Việt Khái (cuối mạng)	26.ĐK.0475	13/5	Tủ mát

Cà Mau, ngày 13 tháng 5 năm 2026

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Ngọc Hiền

P. TRƯỞNG PHÒNG



Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 5/ 2026
KHU VỰC CÁC PHƯỜNG

TT	Mã số mẫu Thông số	XNCN CÀ MAU 1								Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0381	26.ĐK.0382	26.ĐK.0383	26.ĐK.0384	26.ĐK.0385	26.ĐK.0386	26.ĐK.0387	26.ĐK.0388	
		1	2	3	4	5	6	7	8	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	8	7	7	8	8	8	9	8	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2NTU)	0.42	0.44	0.43	0.40	0.53	0.48	0.44	0.45	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.82	0.79	0.75	0.73	0.71	0.78	0.75	0.77	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.88	7.91	7.93	7.90	7.92	7.91	7.89	7.87	Đạt
6	H.lượng Arsenic (≤ 0.01mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Coliform TC (< 3 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
8	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 19 tháng 5 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 5/ 2026
KHU VỰC CÁC PHƯỜNG

TT	Mã số mẫu Thông số	XNCN CÀ MAU 1							Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0389	26.ĐK.0390	26.ĐK.0391	26.ĐK.0392	26.ĐK.0393	26.ĐK.0394	26.ĐK.0395	
		9	10	11	12	13	14	15	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	7	7	8	8	9	9	9	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.45	0.47	0.56	0.56	0.57	0.56	0.58	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.76	0.74	0.54	0.51	0.50	0.51	0.35	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.88	7.91	7.89	7.91	7.93	7.91	7.92	Đạt
6	H.lượng Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Coliform TC (< 3 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
8	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 19 tháng 5 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 5/ 2026
KHU VỰC CÁC PHƯỜNG

TT	Mã số mẫu Thông số	XNCN CÀ MAU 2								Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0396	26.ĐK.0397	26.ĐK.0398	26.ĐK.0399	26.ĐK.0400	26.ĐK.0401	26.ĐK.0402	26.ĐK.0403	
		1	2	3	4	5	6	7	8	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	7	7	8	7	8	7	8	7	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.53	0.43	0.49	0.47	0.43	0.42	0.40	0.39	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.75	0.81	0.73	0.72	0.74	0.82	0.81	0.73	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.93	7.85	7.87	7.88	7.91	7.91	7.92	7.89	Đạt
6	H.lượng Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Coliform TC (< 3 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
8	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 19 tháng 5 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 5/ 2026
KHU VỰC CÁC PHƯỜNG

TT	Mã số mẫu Thông số	XNCN CÀ MAU 2								Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0404	26.ĐK.0405	26.ĐK.0406	26.ĐK.0407	26.ĐK.0408	26.ĐK.0409	26.ĐK.0410	26.ĐK.0411	
		9	10	11	12	13	14	15	16	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	7	8	8	9	9	8	8	9	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2NTU)	0.46	0.45	0.44	0.56	0.53	0.65	0.47	0.53	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.73	0.82	0.71	0.52	0.48	0.34	0.48	0.47	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.92	7.91	7.90	7.91	7.93	7.91	7.92	7.91	Đạt
6	H.lượng Arsenic (≤ 0.01mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Coliform TC (< 3 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
8	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 19 tháng 5 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 5/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN NĂM CĂN						CNCN CÁI ĐÔI VÀM						Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0 412	26.ĐK.0 413	26.ĐK.0 414	26.ĐK.0 415	26.ĐK.0 416	26.ĐK.0 417	26.ĐK.0 418	26.ĐK.0 419	26.ĐK.0 420	26.ĐK.0 421	26.ĐK.0 422	26.ĐK.0 423	
		1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	12	11	13	12	12	11	11	12	13	13	12	14	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2NTU)	1.33	1.29	1.24	1.32	1.33	1.30	1.29	1.26	1.28	1.27	1.36	1.22	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.80	0.76	0.46	0.45	0.32	0.36	0.79	0.77	0.45	0.36	0.43	0.34	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.79	7.85	7.93	7.84	7.97	7.88	7.72	7.95	7.87	7.86	7.88	7.93	Đạt
6	H.lượng Arsenic (≤ 0.01mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Coliform TC (< 3 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
8	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 19 tháng 5 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 5/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN SÔNG ĐỐC							Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0424	26.ĐK.0425	26.ĐK.0426	26.ĐK.0427	26.ĐK.0428	26.ĐK.0429	26.ĐK.0430	
		1	2	3	4	5	6	7	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	7	7	7	9	8	10	9	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.43	0.42	0.59	0.58	0.62	0.61	0.66	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.72	0.74	0.72	0.40	0.32	0.45	0.24	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.89	7.81	7.93	7.82	7.80	7.96	7.75	Đạt
6	H.lượng Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Coliform TC (< 3 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
8	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 19 tháng 5 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 5/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN TRẦN VĂN THỜI				CNCN CÁI NƯỚC				Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0431	26.ĐK.0432	26.ĐK.0433	26.ĐK.0434	26.ĐK.0435	26.ĐK.0436	26.ĐK.0437	26.ĐK.0438	
		1	2	3	4	1	2	3	4	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	7	8	8	9	8	8	10	9	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.39	0.38	0.50	0.55	0.40	0.41	0.54	0.46	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.71	0.70	0.51	0.32	0.76	0.78	0.43	0.31	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.71	7.85	7.86	7.93	7.93	7.84	7.92	7.87	Đạt
6	H.lượng Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Coliform TC (< 3 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
8	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 19 tháng 5 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 5/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN ĐÀM DƠI								Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0439	26.ĐK.0440	26.ĐK.0441	26.ĐK.0442	26.ĐK.0443	26.ĐK.0444	26.ĐK.0445	26.ĐK.0446	
		1	2	3	4	5	6	7	8	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	8	8	7	7	9	7	9	10	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.55	0.52	0.51	0.62	0.61	0.62	0.58	0.65	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.76	0.86	0.75	0.75	0.50	0.75	0.23	0.30	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.79	7.85	7.93	7.86	7.84	7.86	7.97	7.82	Đạt
6	H.lượng Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Coliform TC (< 3 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
8	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Ban hành: 07/2023

Cà Mau, ngày 19 tháng 5 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 5/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN KHÁNH AN									Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0447	26.ĐK.0448	26.ĐK.0449	26.ĐK.0450	26.ĐK.0451	26.ĐK.0452	26.ĐK.0453	26.ĐK.0454	26.ĐK.0455	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	8	8	8	9	10	9	10	10	9	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.49	0.48	0.48	0.55	0.58	0.57	0.58	0.69	0.69	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.75	0.72	0.74	0.49	0.29	0.48	0.29	0.40	0.23	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.84	7.96	7.87	7.93	7.88	7.91	7.76	7.82	7.89	Đạt
6	H.lượng Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Coliform TC (< 3 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
8	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 19 tháng 5 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 5/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu Thông số	CNCN PHAN NGỌC HIỀN							CNCN THỜI BÌNH							Đánh giá kết quả
		26.ĐK. 0456	26.ĐK. 0457	26.ĐK. 0458	26.ĐK. 0459	26.ĐK. 0460	26.ĐK. 0461	26.ĐK. 0462	26.ĐK. 0463	26.ĐK. 0464	26.ĐK. 0465	26.ĐK. 0466	26.ĐK. 0467	26.ĐK. 0468	26.ĐK. 0469	
		1	2	3	4	5	6	7	1	2	3	4	5	6	7	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	11	11	12	12	14	13	13	7	7	7	9	9	10	9	Đạt
2	Mùi vị (không có mùi, vị lạ)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2NTU)	0.81	0.75	0.74	1.14	1.31	1.24	1.13	0.59	0.52	0.57	0.67	0.6	0.54	0.58	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.82	0.73	0.47	0.28	0.39	0.47	0.22	0.72	0.81	0.54	0.38	0.42	0.42	0.27	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.84	7.96	7.87	7.83	7.81	7.92	7.88	7.86	7.89	7.81	7.79	7.96	7.82	7.75	Đạt
6	H.lượng Arsenic (≤ 0.01mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
7	Coliform TC (< 3 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
8	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 19 tháng 5 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM
THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN



Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau
Điện thoại: 02903 836 560 - 02903 836 723 - Fax: 0290 383 6723 - Email: ctycapnuoccamau@yahoo.com
Website: <https://ctncamau.com.vn/>

TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 5/ 2026
TRẠM KHÓM 4 - CHI NHÁNH CN THỚI BÌNH

TT	Mã số mẫu	KẾT QUẢ			Đối chiếu QCĐP 01:2022/CM	Đánh giá kết quả
	Thông số	26.ĐK.0470	26.ĐK.0471	26.ĐK.0472		
		1	2	3		
	Màu sắc (*)	7	8	9	15 NTU	Đạt
2	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*)	0.48	0.5	0.56	2 NTU	Đạt
4	Clo dư (*)	0.66	0.41	0.28	0.2-1.0 mg/l	Đạt
5	pH (*)	7.87	7.93	7.89	6.0-8.5	Đạt
6	H.lượng Arsenic	Không phát hiện	Không phát hiện	Không phát hiện	0.01 mg/l	Đạt
7	Coliform TC	0	0	0	< 3 CFU /100ml	Đạt
8	E.Coli	0	0	0	< 1 CFU /100ml)	Đạt

Ghi chú:

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

LẬP BẢNG

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 19 tháng 5 năm 2026

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM
THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN



Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau
Điện thoại: 02903 836 560 - 02903 836 723 - Fax: 0290 383 6723 - Email: ctycapnuoccamau@yahoo.com
Website: <https://ctncamau.com.vn/>

TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 5/ 2026
TRẠM VIỆT THẮNG - CHI NHÁNH CN CÁI ĐÔI VÀM

TT	Mã số mẫu	KẾT QUẢ			Đối chiếu QCĐP 01:2022/CM	Đánh giá kết quả
	Thông số	26.ĐK.0473	26.ĐK.0474	26.ĐK.0475		
		1	2	3		
	Màu sắc (*)	11	12	13	15 NTU	Đạt
2	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục (*)	0.99	1	1.01	2 NTU	Đạt
4	Clo dư (*)	0.67	0.42	0.29	0.2-1.0 mg/l	Đạt
5	pH (*)	7.85	7.93	7.71	6.0-8.5	Đạt
6	H.lượng Arsenic	Không phát hiện	Không phát hiện	Không phát hiện	0.01 mg/l	Đạt
7	Coliform TC	0	0	0	< 3 CFU /100ml	Đạt
8	E.Coli	0	0	0	< 1 CFU /100ml)	Đạt

Ghi chú:

(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.

LẬP BẢNG

Nguyễn Ngọc Hiền

Cà Mau, ngày 19 tháng 5 năm 2026
P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan